

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3003**/BKHDĐT-TH
Về góp ý Chỉ thị của Thủ tướng
Chính phủ về xây dựng KH phát
triển KTXH năm 2025

Hà Nội, ngày **19** tháng 4 năm 2024



Kính gửi: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được ban hành tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chỉ thị).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo văn bản này). Để đảm bảo tiến độ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trước ngày 15 tháng 5 năm 2024¹, đề nghị Quý cơ quan khẩn trương nghiên cứu, sửa trực tiếp vào dự thảo và bổ sung những nội dung cần thiết để hoàn thiện dự thảo Chỉ thị, có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 26 tháng 4 năm 2024** để tổng hợp, hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ².

Đối với nội dung xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2025-2027, đề nghị Bộ Tài chính chủ động nghiên cứu, chuẩn bị nội dung phù hợp để đưa vào Chỉ thị.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VPCP;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ; các đơn vị thuộc Bộ (để góp ý);
- Lưu: VT, Vụ TH.C.04



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

¹ Tại khoản 1 Điều 56 Luật Đầu tư công và khoản 1 Điều 44 Luật Ngân sách nhà nước quy định, trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm sau.

² Bản mềm (dạng Word và PDF) xin gửi tới địa chỉ thư điện tử thktxh@mpi.gov.vn. Trong trường hợp cần thiết, xin liên hệ đ/c Trần Sơn Tùng hoặc đ/c Hoàng Kim Tú (số điện thoại 080.44978).

Số: /CT-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

CHỈ THỊ
Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, rủi ro. Tình trạng bất ổn an ninh, chính trị tiếp tục leo thang tại một số quốc gia, khu vực, nhất là tại Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ... Lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục được điều hành thận trọng theo hướng thắt chặt; giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu thế giới biến động mạnh. Nhiều tổ chức quốc tế điều chỉnh, hạ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới¹. Các thách thức an ninh phi truyền thống, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... diễn biến bất thường. Trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh tiếp tục phục hồi. Các tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá cao về kết quả đạt được và triển vọng tăng trưởng của Việt Nam năm 2024.

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Tình hình quốc tế, khu vực vẫn đang trong giai đoạn nhiều biến động với những thay đổi sâu sắc về kinh tế, chính trị, xã hội, khó khăn, thách thức ngày càng phức tạp, khó lường hơn. Hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn nhưng đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau gay gắt hơn; nhiều khó khăn, thách thức mới xuất hiện, khó lường hơn. Triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu còn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Trong nước, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, phát huy những thành tựu trong gần 40 năm đổi mới, cơ đồ, vị thế và uy tín của nước ta không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn những điểm nghẽn, nhiều khó khăn, yếu kém nội tại chậm được khắc phục, năng lực cạnh tranh, tính tự chủ và khả năng thích ứng trước những tác động từ bên ngoài còn chưa cao; các vấn đề xã hội, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục gây áp lực lớn đến phát triển KTXH. Để tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển KTXH trong giai đoạn tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ

¹ Liên Hợp Quốc (UN) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu dự báo sẽ chậm lại từ mức 2,7% năm 2023 xuống 2,4% vào năm 2024. Ngân hàng thế giới (WB) dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,4%, giảm so với mức 2,6% trong năm 2023. OECD dự báo GDP toàn cầu năm 2024 dự báo đạt 2,9%, thấp hơn mức tăng trưởng 3,1% của năm 2023.

quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương*) duy trì tập trung cao độ, theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, trong nước; tiếp tục xử lý, khắc phục những hạn chế, yếu kém, phát huy những kết quả đã đạt được; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2021-2025 và tình hình, kết quả thực hiện đến nay để xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 với quyết tâm cao nhất, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị², các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ³, các quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển KTXH năm 2024.

b) Đánh giá đúng thực chất, bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có so sánh với năm 2023 về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KTXH 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh...; các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để kịp thời khắc phục, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống Nhân dân trong những tháng cuối năm.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025

a) Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH các năm 2021-2023, ước thực hiện kết quả năm 2024 và dự báo tình hình quốc tế, trong nước; tập trung theo dõi, dự báo kịp thời những diễn biến của tình hình thế giới và trong nước để chuẩn bị, sẵn sàng các kịch bản, giải pháp, đối sách phù hợp, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra đến mục tiêu phát triển KTXH của đất nước. Trên cơ sở đó, xác định

² Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023; Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023; Kết luận số 65-KL/TW ngày 21 tháng 10 năm 2023; Kết luận số 72-KL/TW ngày 23 tháng 02 năm 2024.

³ Các Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2023; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 và các nghị quyết khác.

các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030, hướng tới thực hiện cao nhất các mục tiêu Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025.

b) Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 06 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng⁴; đồng thời mang tính đột phá, đổi mới, mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương; tập trung huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch đầu tư công; quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025.

Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể về nội dung, thời gian, tiến độ thực hiện, hoàn thành, được lượng hóa rõ ràng như số km đường cao tốc; số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh; thủ tục hành chính được rút gọn; biên chế được tinh giản...

c) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phân đầu đạt được mục tiêu theo chiến lược và kế hoạch phát triển KTXH của cả nước, kế hoạch 5 năm về phát triển KTXH của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu;

⁴ Nêu tại Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, phương hướng phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

(v) phù hợp với thông lệ.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2024, so sánh với kết quả thực hiện năm 2023 và thời điểm trước dịch Covid-19); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục, trong đó tập trung đánh giá tác động của xung đột quân sự Nga-Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ, tình hình lạm phát, tỷ giá, lãi suất, biến động giá cả hàng hóa thế giới (xăng dầu, vàng...), thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... Cụ thể:

a) Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023; Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023; Kết luận số 65-KL/TW ngày 21 tháng 10 năm 2023; Kết luận số 72-KL/TW ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; các Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2023; các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2024, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao tại các Nghị quyết nêu trên theo mẫu tại Phụ lục kèm theo.

Trong đó, tập trung làm rõ một số vấn đề cụ thể sau:

(1) Điều hành, phối hợp đồng bộ, hài hòa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm thực hiện mục tiêu ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Trong đó làm rõ công tác điều hành tín dụng, tỷ giá, lãi suất, ổn định thị trường tiền tệ; làm mới và thúc đẩy các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu); giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh, thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán...

(2) Công tác hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật; rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế, chính sách; khơi thông các nguồn lực; nâng cao hiệu quả việc tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách, thực thi công vụ; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

(3) Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, sân bay, bến cảng, hệ thống đường cao tốc, các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số.

(4) Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và chống chịu của nền kinh tế; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả.

(5) Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao; trong đó tập trung đào tạo 50-100 nghìn nhân lực chất lượng cao cho ngành sản xuất chip điện tử đến năm 2025 và 2030. Phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ nguồn (chíp, bán dẫn...), hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp.

(6) Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế. Xây dựng, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống chính sách xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế.

(7) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

(8) Thúc đẩy liên kết vùng; triển khai thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh; phát huy vai trò động lực của các vùng kinh tế xã hội, các đô thị lớn.

(9) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực. Thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; triển khai Đề án 06.

(10) Củng cố tiềm lực quốc phòng, bảo đảm vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

b) Các địa phương đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024.

2. Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025

Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 được xây dựng trong bối cảnh tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường. Hợp tác và phát

triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt hơn. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, còn đối mặt với nhiều rủi ro, thử thách. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành xu thế rõ nét, đem lại cả thách thức và thời cơ, đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với mọi quốc gia, dân tộc. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như an ninh lương thực, an ninh tài chính, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... ngày càng tác động mạnh, đa chiều, có thể đe dọa nghiêm trọng đến sự ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và nước ta.

Trong nước, thế và lực của đất nước sau gần 40 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều cả về quy mô và sức cạnh tranh; tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; nhiều dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia đưa vào khai thác; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; vị thế, uy tín của Việt Nam tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn rất lớn, nhất là việc hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Nền kinh tế có độ mở lớn, chịu tác động mạnh từ những yếu tố bất lợi bên ngoài trong khi những hạn chế, yếu kém nội tại chậm được khắc phục. Các vấn đề về xã hội, môi trường như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... gây áp lực lớn lên công tác điều hành KTXH.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2025, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ, tình hình lạm phát, điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, biến động giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu, xu hướng dịch chuyển dòng vốn, chuỗi cung ứng toàn cầu, các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp, nhiều mặt đến Việt Nam...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025.

c) Mục tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn. Trong đó, tập trung cân đối các mục tiêu chủ yếu phù hợp với tình hình thực tiễn, nhằm dự báo khả năng thực hiện thành công Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2025 bảo đảm thống nhất với mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và những định hướng lớn, gồm:

- Điều hành đồng bộ các chính sách vĩ mô, phối hợp chặt chẽ, kết hợp hài hòa giữa các chính sách tiền tệ, tài khóa, đầu tư, thương mại và các chính sách khác để thực hiện nhất quán mục tiêu xuyên suốt là giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Quán triệt và thể chế hóa kịp thời, chính xác, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế. Tiếp tục cơ cấu lại 03 lĩnh vực trọng tâm về đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng. Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn. Tập trung triển khai hiệu quả Kết luận số 72-KL/TW ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Bộ Chính trị về huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, ưu tiên ngân sách cho phát triển hạ tầng. Tiếp tục phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu...

- Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, nhất là trong lĩnh vực công nghệ cao. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung xây dựng Chính phủ điện tử hướng

tới Chính phủ số. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, tăng cường giám sát, kiểm tra. Khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức. Đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KTXH. Tích cực triển khai Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội. Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ người dân, người lao động mất việc làm và doanh nghiệp gặp khó khăn. Thực hiện tốt chính sách giảm nghèo bền vững, chính sách dân tộc, tôn giáo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, củng cố môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi để phát triển đất nước.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2025 - 2027

(Đề nghị Bộ Tài chính chủ trì xây dựng và bổ sung nội dung này vào dự thảo Chỉ thị

2. Về dự toán chi ngân sách nhà nước:

...

Trong đó, lưu ý một số nội dung như sau:

a. Về chi đầu tư phát triển:

- Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng⁵, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu

⁵ Nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

quả giữa các vùng, miền, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước.

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch Tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

- Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

(i) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có).

(ii) Bố trí đủ vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(iii) Bố trí đủ vốn từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 cho các nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn vốn này;

(iv) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, các dự án hoàn thành năm 2025, vốn tham gia vào các dự án PPP, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(v) Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách,

(vi) Bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(vii) Đối với vốn nước ngoài, số vốn bố trí phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn.

(viii) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

b)...

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trong tháng 6 năm 2024, hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ việc xây dựng Kế hoạch KTXH năm 2025, xây dựng, hoàn thiện Đề cương báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025” của cả nước, phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2025, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025” trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2024, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP), Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố số liệu ước tính thực hiện năm 2024, làm căn cứ cho địa phương kịp thời xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2025.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

Đối với chỉ tiêu GRDP, các địa phương sử dụng số liệu công bố của Tổng cục Thống kê; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2025.

b) Gửi các dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 và dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2024.

Riêng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước báo cáo kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2025 cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 3 NĂM 2025-2027

(Đề nghị Bộ Tài chính chủ trì xây dựng và bổ sung nội dung này vào dự thảo Chỉ thị)

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2024
VÀ DỰ KIẾN NĂM 2025¹

(Kèm theo Chi thị số /CT-TTg ngày tháng năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2024			DỰ KIẾN NĂM 2025	CƠ QUAN BÁO CÁO SỐ LIỆU
			MỤC TIÊU	ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM	ĐÁNH GIÁ		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	6,0-6,5				Bộ KH&ĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	4.700 - 4.730				Bộ KH&ĐT
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	Khoảng 24,1 - 24,2				Bộ KH&ĐT
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,0 - 4,5				Bộ KH&ĐT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	Khoảng 4,8 - 5,3				Bộ KH&ĐT
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	26,5				Bộ KH&ĐT
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 69				Bộ LĐTBXH
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	Khoảng 28 - 28,5				Bộ LĐTBXH
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	Dưới 4				Bộ LĐTBXH
9	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	Giảm trên 1				Bộ LĐTBXH
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	13,5				Bộ YT
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	32,5				Bộ YT
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	Khoảng 94,1				Bộ YT
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	80				Bộ NN&PTNT
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	95				Bộ TN&MT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	92				Bộ KH&ĐT
...	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung,... ²						

¹ Theo các Kết luận của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII, Nghị quyết của Quốc hội khóa XV.

² Nêu rõ mục tiêu đề ra và văn bản giao mục tiêu.